



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 04992/2025/PKQ(25.3624)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
2. Địa chỉ : 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Quốc lộ 10, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 18/07/2025
5. Ngày trả kết quả : 28/07/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT180725-005	NT1	Nước thải trước xử lý (570539,9; 2262659,2)	Nước thải
2	NT180725-006	NT2	Nước thải sau xử lý (570526,3; 2262650,2)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- 1 Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2 Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3 Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4 Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5 KPH: Không phát hiện. 6 MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
8 (H) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 14:2008 /BTNMT	QCVN 40:2011 /BTNMT
				NT1	NT2	Cột B	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,7	7,2	5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	495	215	1.000	-
3	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	38,9	11,9	50	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	97	25	100	100
5	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO3-E:2023	0,64	3,76	50	-
6	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,00	0,19	10	-
7	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	2,6	KPH (MDL = 1,2)	20	-
8	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540B&C:2023	0,102	KPH (MDL = 0,01)	10	-
9	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,09	KPH (MDL = 0,02)	4	0,5
10	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	6,64	1,39	10	10
11	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	7 x 10 ⁵	1,1 x 10 ³	5.000	5.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Huyền Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 04993/2025/PKQ(25.3624)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
2. Địa chỉ : 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Quốc lộ 10, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 18/07/2025
5. Ngày trả kết quả : 28/07/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT180725-001	KT1	Khí thải ống khói lò hơi lần 1 (570599,7; 2262584,1)	Khí thải
2	KT180725-002	KT2	Khí thải ống khói lò hơi lần 2 (570599,7; 2262584,1)	Khí thải
3	KT180725-003	KT3	Khí thải ống khói lò hơi lần 3 (570599,7; 2262584,1)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiêu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ			QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT1	KT2	KT3	
1	Nhiệt độ vùng đốt thứ cấp ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	82	82	82	-
2	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	g/mol	US EPA Method 3	30,39	30,39	30,39	-
3	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	757	757	-
4	Lưu lượng ^(b)	m³/h	US EPA Method 2	6.378	6.825	6.463	-
5	Vận tốc ^(b)	m/s	US EPA Method 2	12,7	13,6	12,9	-
6	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm³	US EPA Method 5	45,9	41,9	44,9	200
7	CO ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.04	184,0	189,8	175,2	1.000
8	SO₂ ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.05	0	0	0	500
9	NO _x _NO₂ ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.06	8,78	7,20	7,20	850
10	Hàm ẩm ^(b)	%	US EPA Method 4	8,8	8,2	8,8	-

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025
P.GIÁM ĐỐC



Mai Hoàng Anh



Hữu Thị Ngân

- 1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- 5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- 8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

